

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HẢO

**ẢNH HƯỞNG CỦA BIẾN ĐỘNG TĂNG GIÁ DẦU VÀO
ĐẾN HIỆU QUẢ KINH TẾ SẢN XUẤT CHÈ CỦA CÁC HỘ
NÔNG DÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NÔNG NGHIỆP

THÁI NGUYÊN – 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HẢO

**ẢNH HƯỞNG CỦA BIẾN ĐỘNG TĂNG GIÁ ĐẦU VÀO
ĐẾN HIỆU QUẢ KINH TẾ SẢN XUẤT CHÈ CỦA CÁC HỘ
NÔNG DÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NÔNG NGHIỆP

Chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp

Mã số: 62.62.01.15

Người hướng dẫn khoa học:

1. TS. Đoàn Quang Thiệu
2. PGS.TS. Nguyễn Đình Long

THÁI NGUYÊN – 2014

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Chè là cây công nghiệp lâu năm, có đời sống kinh tế dài, trồng một lần có thể cho thu hoạch 30 - 40 năm hoặc lâu hơn nữa. Cây chè rất thích hợp trồng ở vùng đồi núi, trung du. Vì thế, một quốc gia với $\frac{3}{4}$ diện tích là đồi núi như Việt Nam thì cây chè rất phù hợp để phát triển. Hiện nay, trong khoảng 40 quốc gia trồng chè, Việt Nam là quốc gia đứng thứ 5 thế giới về diện tích và xuất khẩu chè. Đối với người dân miền núi, cây chè còn là nguồn sống, nguồn thu nhập chính, góp phần ổn định đời sống cho người dân miền núi, xóa đói giảm nghèo.

Thái Nguyên là một tỉnh trung du miền núi phía Bắc, với điều kiện thiên nhiên ưu đãi về khí hậu và đất đai rất thích hợp cho cây chè phát triển. Chè là cây công nghiệp truyền thống có giá trị kinh tế cao ở Thái Nguyên, được thị trường trong nước và nhiều nước trên thế giới biết đến. Nhân dân Thái Nguyên có nhiều kinh nghiệm về trồng và chế biến chè. Họ đã biết tận dụng lợi thế đất đai, khí hậu tạo nên hương vị chè Thái đặc trưng không thể lẫn với các loại chè khác. Vì thế, chè Thái Nguyên đã nổi tiếng từ lâu, đặc biệt chè Tân Cương là sản phẩm nổi tiếng trong cả nước. Cục Sở hữu trí tuệ đã chính thức cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho sản phẩm chè Thái Nguyên. Với diện tích 18.605 ha, năng suất bình quân đạt 80 tạ chè búp tươi/ha, Thái Nguyên đứng thứ hai toàn quốc sau Lâm Đồng cả về diện tích và sản lượng. Chè Thái Nguyên được tiêu thụ cả thị trường trong và ngoài nước, trong đó thị trường nội tiêu chiếm trên 70% sản lượng chè toàn tỉnh. Hiện nay, sản lượng chè tăng bình quân 9,4%/năm. (*Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Thái Nguyên 2012*) [38]

Hiệu quả kinh tế cây chè ở Thái Nguyên đã đem lại cho các hộ nông dân và cho tỉnh nhiều lợi ích kinh tế. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay ngành chè vẫn gặp nhiều khó khăn như giá cả biến động thất thường, nhà máy thiếu nguyên liệu, sản xuất manh mún, thậm chí phải đối mặt với nguy cơ mất thị trường xuất khẩu chè... Không chỉ có doanh nghiệp gặp khó khăn mà người trồng chè cũng lao đao không kém, hầu hết các hộ nông dân sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, giá cả phụ thuộc vào tư thương. Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến hiệu quả kinh tế của cây chè còn thấp và chưa ổn định là giá các yếu tố đầu vào để sản xuất chè liên tục biến động tăng chưa ổn định.

Đối với sản xuất chè, các yếu tố đầu vào có vai trò rất quan trọng, nó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả và hiệu quả kinh tế sản xuất chè của các hộ nông dân. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, thị trường đầu vào của sản xuất chè biến động rất bất lợi cho các hộ nông dân. Giá các yếu tố đầu vào như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc kích thích, công lao động, nhiên liệu... liên tục tăng cao làm cho một bộ phận nông dân gặp không ít khó khăn, đặc biệt là nông dân nghèo, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến hiệu quả kinh tế sản xuất chè của các hộ nông dân. Trong bối cảnh hiện nay, đứng trước những khó khăn chung của ngành chè Thái Nguyên và của các hộ nông dân trồng chè trên địa bàn Tỉnh, việc nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của sự biến động tăng giá đầu vào đến tình hình sản xuất, kết quả và hiệu quả kinh tế sản xuất chè của các hộ nông dân từ đó đưa ra những giải pháp khả thi nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế sản xuất chè cho các hộ nông dân Thái Nguyên là hết sức cần thiết và thiết thực.

Xuất phát từ lý do trên chúng tôi lựa chọn vấn đề: "*Ảnh hưởng của biến động tăng giá đầu vào đến hiệu quả kinh tế sản xuất chè của các hộ nông dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên*" làm đề tài nghiên cứu luận án tiến sĩ nhằm góp phần thúc đẩy việc sản xuất và xuất khẩu chè trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Mục tiêu nghiên cứu

* Mục tiêu chung:

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn ảnh hưởng của biến động tăng giá đầu vào đến hiệu quả kinh tế sản xuất chè của các hộ nông dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, từ đó đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm khuyến cáo chính phủ và hộ nông dân có những ứng xử phù hợp để nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất chè của các hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

* Mục tiêu cụ thể:

- Hệ thống hóa những vấn đề mang tính tổng quan về hiệu quả kinh tế, giá và biến động giá trong sản xuất chè, ảnh hưởng của biến động giá đầu vào đến hiệu quả kinh tế sản xuất chè của các hộ nông dân.

- Phân tích, đánh giá thực trạng ảnh hưởng của biến động tăng giá đầu vào đến hiệu quả kinh tế sản xuất chè của các hộ nông dân ở tỉnh Thái Nguyên.

- Phân tích ảnh hưởng của các loại yếu tố đầu vào tới năng suất và hiệu quả kỹ thuật trong sản xuất chè của các hộ nông dân trên địa bàn Tỉnh.

- Phân tích ảnh hưởng của việc tăng chi phí đầu vào tới hiệu quả kinh tế sản xuất chè của các hộ nông dân trên địa bàn nghiên cứu.

- Đưa ra một số giải pháp nhằm hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của tăng giá đầu vào sản xuất chè và nâng cao hiệu quả kinh tế sản xuất chè cho các hộ nông dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

** Đối tượng nghiên cứu*

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các vấn đề về hiệu quả kinh tế sản xuất chè của các hộ nông dân, ảnh hưởng của biến động tăng giá đầu vào đến hiệu quả kinh tế sản xuất chè của các hộ, ảnh hưởng của các loại đầu vào đến năng suất và hiệu quả kỹ thuật sản xuất chè của các hộ và ảnh hưởng của việc tăng chi phí sản xuất chè tới hiệu quả kinh tế sản xuất chè của các hộ nông dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

** Phạm vi nghiên cứu*

- Phạm vi về nội dung:

Trọng tâm nghiên cứu của đề tài là hiệu quả kinh tế sản xuất chè của các hộ nông dân trước và sau khi có biến động tăng giá đầu vào; ảnh hưởng biến động tăng giá các yếu tố đầu vào chính trong sản xuất chè như giá các vật tư phân bón, nhiên liệu, công lao động đến hiệu quả kinh tế sản xuất chè của các hộ nông dân trên địa bàn Tỉnh; phân tích tác động của các loại yếu tố đầu vào tới hiệu quả kỹ thuật sản xuất chè của các hộ nông dân trên địa bàn nghiên cứu; tác động của việc tăng chi phí sản xuất chè tới hiệu quả kinh tế sản xuất chè của hộ.

- Phạm vi về không gian: Nghiên cứu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Phạm vi về thời gian:

Giới hạn thời gian để phân tích biến động giá: Luận án chọn mốc trước khi biến động giá là năm 2007, đây là năm giá các đầu vào sản xuất chè chưa tăng cao, giá các đầu vào sản xuất chè không có biến động gì đặc biệt. Nghiên cứu chọn mốc sau biến động giá năm 2011, đây là năm sau khi giá các đầu vào sản xuất chè đã tăng cao và đi vào ổn định, không có biến động gì bất thường, lãi suất vay ổn định, lạm phát không đáng kể, thời tiết biến động không đáng kể.

Đối với nghiên cứu tổng quan, các thông tin được thu thập thông qua các tài liệu đã công bố trong khoảng thời gian từ năm 2000 đến nay. Các số liệu đánh giá thực trạng ở tỉnh Thái Nguyên được thu thập trong khoảng thời gian từ 2006 đến 2012. Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua phỏng vấn trực tiếp hộ năm 2008 và năm 2012.

4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Đề tài là công trình khoa học có ý nghĩa lý luận và thực tiễn thiết thực, là tài liệu giúp hộ nông dân, xã, huyện và tỉnh đánh giá ảnh hưởng của biến động tăng giá đầu vào đến hiệu quả kinh tế trong sản xuất chè của các hộ nông dân, đánh giá được ảnh hưởng của các loại yếu tố đầu vào tới năng suất và hiệu quả kỹ thuật sản xuất chè của các hộ và đánh giá được ảnh hưởng của việc tăng chi phí sản xuất chè tới hiệu quả kinh tế sản xuất chè của các hộ nông dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Từ đó, đưa ra được các giải pháp làm giảm thiểu tác động không tốt của việc tăng giá đầu vào tới sản xuất chè của các hộ nông dân, khuyến cáo các hộ nông dân có những ứng xử phù hợp để sản xuất chè của các hộ nông dân đạt hiệu quả kinh tế cao, có cơ sở khoa học.

Đề tài giúp cho các hộ nông dân sản xuất chè có giải pháp để phát triển kinh tế cây chè, nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng năng suất và hiệu quả kỹ thuật trong sản xuất chè, giúp cho nhà quản lý địa phương có giải pháp phát triển kinh tế xã hội và là tài liệu có giá trị cho những nhà nghiên cứu, những người giảng dạy và những người quan tâm đến lĩnh vực nghiên cứu của đề tài.

5. Đóng góp của luận án

Luận án nghiên cứu, thảo luận vấn đề về ảnh hưởng của biến động tăng giá đầu vào đến hiệu quả kinh tế sản xuất chè của các hộ nông dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, trên cơ sở đó có những đóng góp mới về mặt lý luận, thực tiễn, phương pháp nghiên cứu và giải pháp can thiệp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế sản xuất chè của các hộ nông dân.

Về mặt lý luận, luận án đã hệ thống hoá lý thuyết về hiệu quả kinh tế của các hộ nông dân sản xuất chè, phương pháp đánh giá hiệu quả kinh tế và khung phân tích làm cơ sở đánh giá ảnh hưởng của biến động tăng giá đầu vào tới hiệu quả kinh tế sản xuất chè của các hộ nông dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Về phương pháp nghiên cứu, luận án áp dụng thành công các mô hình toán: Mô hình hàm sản xuất Cobb-Douglas để phân tích tác động của biến động tăng các yếu tố giá tới hiệu quả kinh tế sản xuất chè của hộ, mô hình hàm giới hạn sản xuất (Frontier function) để phân tích ảnh hưởng của các yếu tố đầu vào tới năng suất và hiệu quả kỹ thuật trong sản xuất chè của hộ, xác định được mức đầu tư tối ưu trong sản xuất chè của hộ để đạt lợi nhuận tối đa, mô hình hồi quy gầy khúc để đánh giá tác động của sự gia tăng các yếu tố chi phí đến hiệu quả kinh tế sản xuất chè của hộ nông dân trên địa bàn Tỉnh. Sử dụng các mô hình dự báo để thấy được sự biến động giá các yếu tố đầu vào trong sản xuất chè của hộ.

Về mặt thực tiễn, luận án đã đánh giá được thực trạng hiệu quả kinh tế sản xuất chè của hộ trước và sau khi có biến động tăng giá đầu vào. Phân tích được ảnh hưởng của biến động tăng các yếu tố giá đầu vào, đầu ra tới hiệu quả kinh tế sản xuất chè của hộ. Đánh giá được tác động của việc tăng chi phí trong sản xuất chè tới hiệu quả kinh tế sản xuất chè của hộ. Phân tích được ảnh hưởng của các loại yếu tố đầu vào tới năng suất và hiệu quả kỹ thuật trong sản xuất chè của hộ.

Luận án chỉ ra được việc tăng giá các yếu tố đầu vào gây cản trở tới việc nâng cao hiệu quả kinh tế sản xuất chè cho các hộ nông dân, từ đó có các giải pháp nhằm hạn chế tác động không tốt của các yếu tố này, khuyến cáo các hộ có ứng xử phù hợp để nâng cao hiệu quả kinh tế sản xuất chè của hộ.

6. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận án được kết cấu gồm 04 chương:

Chương 1: Cơ sở khoa học về ảnh hưởng của biến động tăng giá đầu vào đến hiệu quả kinh tế sản xuất chè của hộ nông dân.

Chương 2: Phương pháp nghiên cứu.

Chương 3: Phân tích thực trạng ảnh hưởng của tăng giá đầu vào đến hiệu quả kinh tế sản xuất chè của các hộ nông dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Chương 4: Giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế sản xuất chè của các hộ nông dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong điều kiện tăng giá đầu vào.

Chương 1. CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ ẢNH HƯỞNG CỦA BIẾN ĐỘNG TĂNG GIÁ ĐẦU VÀO TỚI HIỆU QUẢ KINH TẾ SẢN XUẤT CHÈ CỦA CÁC HỘ NÔNG DÂN

1.1 Cơ sở lý luận về giá, biến động giá và hiệu quả kinh tế trong sản xuất chè của hộ nông dân

1.1.1 Đặc điểm kỹ thuật và kinh tế của cây chè

1.1.1.1 Đặc điểm sinh vật học

Theo Willson, K.C (1992), Cây chè có tên khoa học là *Cmaellia sinesis*, là loài cây mà lá và chồi của chúng được sử dụng để sản xuất chè. Chè là loại cây xanh lâu năm được mọc thành bụi hoặc các cây nhỏ, thông thường được xén tỉa thấp hơn 2m khi được trồng để lấy lá. Lá chè có chiều dài từ 4 - 15cm, lá non có màu xanh lục nhạt, lá già có màu lục sẫm. Các độ tuổi khác nhau của lá chè tạo ra các sản phẩm chè khác nhau về chất lượng do thành phần hóa học trong các lá này là khác nhau. Thông thường, chỉ có lá chồi và 2 đến 3 lá mọc gần thời gian đó được thu hoạch để chế biến. Việc thu hoạch thủ công bằng tay diễn ra đều đặn sau khoảng 1 đến 2 tuần.

** Các thời kỳ sinh trưởng, phát triển của cây chè*

Cây chè là cây lâu năm tính từ khi gieo trồng phải mất thời gian từ 3 đến 5 năm kiến thiết cơ bản. Sau thời kỳ kiến thiết cơ bản cây chè mới cho kinh doanh. (Lê Tất Khương, 1999) [25]

1.1.1.2 Các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất chè

** Các nhân tố về điều kiện tự nhiên*

- Đất đai và địa hình: Muốn chè có chất lượng cao và hương vị đặc biệt cần phải trồng chè ở độ cao nhất định. Đa số những nơi trồng chè trên thế giới thường có độ cao cách mặt nước biển từ 500-800m. So với một số cây trồng khác, cây chè yêu cầu về đất không nghiêm ngặt, nhưng để sinh trưởng tốt, có tiềm năng năng suất cao thì đất trồng chè phải đạt yêu cầu đất tốt, có nhiều mùn, có độ sâu, chua và thoát nước.

- Thời tiết, khí hậu: Cây chè sinh trưởng và phát triển tốt nhất trong điều kiện nhiệt độ từ 15 – 23 độ C. Mùa đông cây chè tạm ngừng sinh trưởng, mùa xuân cây chè sinh trưởng trở lại. Do cây chè là cây thu hoạch lấy núp non và lá

non nên cây ưa ẩm, cần nhiều nước. Cây chè yêu cầu độ ẩm cao trong suốt thời kỳ sinh trưởng là khoảng 85 %. Ở nước ta, các vùng trồng chè có điều kiện thích hợp nhất cho cây chè phát triển cho năng suất và chất lượng cao vào các tháng 5, 6, 7, 8, 9 và 10.

** Nhóm nhân tố về kỹ thuật*

- Giống chè: Giống chè ảnh hưởng tới năng suất búp, chất lượng nguyên liệu do đó cũng ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm chè, đến hiệu quả kinh doanh và cạnh tranh trên thị trường.

- Kỹ thuật chăm sóc gồm tưới nước cho chè, đốn chè, bón phân. Bón phân là biện pháp kỹ thuật quan trọng nhằm tăng năng suất và chất lượng chè. Nhiều công trình nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước cho thấy hiệu quả của bón phân cho chè chiếm từ 50 – 60%. Trong các loại phân bón cho chè thì đạm có vai trò hàng đầu, sau đó đến lân và kali. Do vậy, khi giá phân bón tăng cao có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả và hiệu quả kinh tế sản xuất chè của các hộ.

- Kỹ thuật thu hái và bảo quản: Nguyên liệu chè sau khi thu hái có thể đưa thẳng vào chế biến, có thể để một thời gian nhưng không quá 10 giờ, do vậy khi thu hái không để dập nát búp chè.

- Kỹ thuật chế biến. (Cao Ngọc Lân, 1992), [26]

1.1.1.3 Đặc điểm của thị trường tiêu thụ sản phẩm chè

- Tính ổn định và tính ít co dãn về mặt cung cầu: Trong thị trường tiêu thụ chè, quan hệ cung cầu thay đổi chậm, độ co dãn của cung cầu thấp hơn các sản phẩm khác. Vì sản phẩm chè là đồ uống hàng ngày nhưng không phải là mặt hàng thiết yếu như các loại lương thực, thực phẩm khác. Khi có sự biến động về giá thì cung - cầu thay đổi chậm, không vì sản phẩm chè trên thị trường nhiều và rẻ mà người tiêu dùng cần nhiều sản phẩm hơn. Khối lượng sản phẩm chè đưa ra thị trường tuy có thay đổi nhưng không thể có biến đổi lớn trong một thời gian nhất định. Không phải vì có nhu cầu tiêu dùng lớn, giá cao mà người sản xuất có thể cung ngay một khối lượng lớn cho thị trường do đặc điểm của sản xuất nông nghiệp cần phải có thời gian sản xuất nhất định. Do vậy, muốn ổn định và mở rộng thị trường tiêu thụ chè cần nghiên cứu được nhu cầu thị trường để đẩy mạnh sản xuất, tăng cung đáp ứng cầu một cách chủ động.

- Thị trường tiêu thụ chè gắn với tính thời vụ: Do đặc điểm này mà người trồng chè không chỉ phải đối phó với sự tác động của điều kiện tự nhiên mà còn phải đối phó với những vấn đề khách quan khác xuất phát từ thị trường. Muốn hạn chế sự biến động của thị trường chè theo thời vụ người sản xuất cần cải tiến công nghệ chế biến, bảo quản, dự trữ để điều hòa cung cầu. Nhà nước cũng cần có những chính sách hỗ trợ cho người trồng chè để có thể sản xuất chè vụ đông như tưới nước cho chè vụ đông, chế biến sản phẩm vào những tháng chính vụ...

- Thị trường tiêu thụ chè gắn liền với việc khai thác và sử dụng lợi thế so sánh các điều kiện tự nhiên và những điều kiện sản xuất khác: chè là cây trồng chỉ có thể sinh trưởng, phát triển và cho sản phẩm kinh tế trong những điều kiện tự nhiên nhất định. Chính vì vậy, thị trường chè hình thành nguồn cung theo luồng, tuyến hay khu vực và có thể phát sinh hiện tượng cạnh tranh không hoàn hảo, trong khi đó bất kỳ người sản xuất nào cũng muốn đưa ra thị trường sản phẩm chè mà mình có ưu thế nhất. Điều này đòi hỏi người sản xuất phải biết tận dụng đất đai, thời tiết, khí hậu, lao động cũng như phải biết ứng dụng những thành tựu mới nhất của khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất để nâng cao năng suất, hạ giá thành sản phẩm để tạo lợi thế trong cạnh tranh.

1.1.2 Kinh tế hộ nông dân sản xuất chè

1.1.2.1 Khái niệm về hộ nông dân và kinh tế hộ nông dân

Trong một số từ điển ngôn ngữ học cũng như một số từ điển chuyên ngành kinh tế, người ta định nghĩa về “hộ” như sau: “Hộ” là tất cả những người sống chung trong một ngôi nhà và nhóm người đó có cùng chung huyết tộc và người làm công, người cùng ăn chung. Thống kê Liên Hợp Quốc cũng có khái niệm về “Hộ” gồm những người sống chung dưới một ngôi nhà, cùng ăn chung, làm chung và cùng có chung một ngân quỹ.

Giáo sư Mc Gê (1989) - Đại học tổng hợp Colombia (Canada) cho rằng: “Hộ” là một nhóm người có cùng chung huyết tộc hoặc không cùng chung huyết tộc ở trong một mái nhà và ăn chung một mâm cơm.

Nhóm “hệ thống thế giới” gồm các đại biểu Wallerstan (1982), Wood (1982), Smith (1985), Martin và BellHel (1987) cho rằng: “Hộ là một nhóm người có cùng chung sở hữu, chung quyền lợi trong cùng một hoàn cảnh. Hộ là một đơn vị kinh tế giống như các công ty, xí nghiệp khác”.